

Số: **21** /BC-UBND

Kbang, ngày **24** tháng 01 năm 2022

BÁO CÁO

Về việc thực hiện chính sách, pháp luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng tài sản nhà nước giai đoạn 2016-2021 trên địa bàn huyện Kbang.

Kính gửi: Sở Tài chính tỉnh Gia Lai.

Thực hiện Công văn số 4451/STC-QLGCS ngày 31/12/2021 của Sở Tài chính về việc thực hiện chính sách, pháp luật về THPT, CLP trong quản lý, sử dụng TSNN giai đoạn 2016-2021 theo yêu cầu của Đoàn giám sát Quốc hội; Ủy ban nhân dân huyện Kbang báo cáo như sau:

A. Tình hình thực hiện chính sách, pháp luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng tài sản nhà nước

I. Tình hình triển khai thực hiện Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành

1. Về việc phổ biến, tập huấn Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý:

- Không tổ chức ☒

- Có tổ chức ☐

2. Về việc rà soát để sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật do Bộ, cơ quan trung ương, địa phương ban hành liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản công.

- Chưa rà soát ☐

- Đã rà soát ☒

3. Về việc ban hành quy định phân cấp quản lý tài sản tại Bộ, cơ quan trung ương, địa phương theo quy định tại Nghị định số 151/2017/NĐ-CP:

- Đã ban hành ☒

- Chưa ban hành ☐

4. Về việc ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg:

a) Quy định về phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng:

- Đã ban hành ☒

- Chưa ban hành ☐

b) Quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế:

- Đã ban hành ☐

- Chưa ban hành ☐

c) Quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục – đào tạo:

- Đã ban hành ☐

- Chưa ban hành ☐

d) Quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực khác:

- Đã ban hành ☒

Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 24/9/2019 của UBND huyện Kbang

- Chưa ban hành ☐

5. Về việc ban hành tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng trong trụ sở làm việc, diện tích công trình sự nghiệp thuộc cơ sở hoạt động sự nghiệp theo quy định tại Nghị định số 152/2017/NĐ-CP:

a) Quy định về phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức diện tích công trình sự nghiệp thuộc cơ sở hoạt động sự nghiệp:

- Đã ban hành ☒

- Chưa ban hành ☐

b) Quy định về tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng trong trụ sở làm việc, diện tích công trình sự nghiệp thuộc cơ sở hoạt động sự nghiệp trong lĩnh vực y tế:

- Đã ban hành ☐

- Chưa ban hành ☐

c) Quy định về tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng trong trụ sở làm việc, diện tích công trình sự nghiệp thuộc cơ sở hoạt động sự nghiệp trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo:

- Đã ban hành ☒

- Chưa ban hành ☐

d) Quy định về tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng trong trụ sở làm việc, diện tích công trình sự nghiệp thuộc cơ sở hoạt động sự nghiệp trong lĩnh vực khác:

- Đã ban hành ☒

- Chưa ban hành ☐

6. Về việc ban hành tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng theo quy định tại Nghị định số 04/2019/NĐ-CP:

a) Quy định về tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng đối với các loại xe ô tô chuyên dùng theo quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5, 6 Điều 17 Nghị định số 04/2019/NĐ-CP:

- Đã ban hành ☒

- Chưa ban hành ☐

b) Quy định về tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng đối với xe ô tô chuyên dùng khác theo quy định tại khoản 7 Điều 17 Nghị định số 04/2019/NĐ-CP:

- Đã ban hành ☐

- Chưa ban hành ☐

7. Về việc rà soát danh mục mua sắm tập trung của Bộ, cơ quan trung ương, địa phương để ban hành, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp:

- Đã rà soát ☐

- Đã ban hành danh mục sửa đổi, bổ sung, thay thế ☒

- Chưa thực hiện (Nêu rõ lý do chưa thực hiện) ☐

8. Về việc ban hành quy định của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về tài sản có giá trị lớn để phân định thẩm quyền phê duyệt đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê:

- Đã ban hành ☐

- Chưa ban hành ☐

9. Về việc ban hành quy định phân cấp quản lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo quy định tại Nghị định số 29/2018/NĐ-CP:

- Đã ban hành ☒

- Chưa ban hành ☐

10. Về việc ban hành quy định phân cấp thẩm quyền quyết định xử lý tài sản trang bị của nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định tại Nghị định số 70/2018/NĐ-CP:

- Đã ban hành ☐

- Chưa ban hành ☐

11. Về việc ban hành quy định phân cấp thẩm quyền quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa theo quy định tại Nghị định số 45/2018/NĐ-CP (chỉ áp dụng cho Bộ Giao thông vận tải và các địa phương):

- Đã ban hành ☐

- Chưa ban hành ☐

12. Về việc ban hành quy định phân cấp thẩm quyền quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo quy định tại Nghị định số 33/2019/NĐ-CP (chỉ áp dụng cho Bộ Giao thông vận tải và các địa phương):

- Đã ban hành ☐

- Chưa ban hành ☐

13. Về việc ban hành quy định phân cấp thẩm quyền quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi theo quy định tại Nghị định số 129/2017/NĐ-CP (chỉ áp dụng cho Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các địa phương):

- Đã ban hành ☐

- Chưa ban hành ☐

14. Về việc rà soát, phân loại, xác định giá trị tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa hiện có thuộc phạm vi quản lý của địa phương để thực hiện quản lý, sử dụng và khai thác theo quy định tại Nghị định số 45/2018/NĐ-CP (chỉ áp dụng cho các địa phương):

- Đã thực hiện ☐

- Chưa thực hiện ☐

15. Về việc rà soát, phân loại, xác định giá trị tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ hiện có thuộc phạm vi quản lý của địa phương để thực hiện quản lý, sử dụng và khai thác theo quy định tại Nghị định số 33/2019/NĐ-CP:

- Đã thực hiện ☐

- Chưa thực hiện ☐

II. THTK, CLP trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc, phương tiện thông tin liên lạc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước

1. Các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn thực hiện Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành theo đúng quy định. Công tác quản lý, sử dụng tài sản công được thực hiện thống nhất, có sự phân công, phân cấp rõ thẩm quyền cũng như trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị, cá nhân trong việc quản lý, sử dụng tài sản công. Việc báo cáo và quản lý, sử dụng được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý sử dụng tài sản công. Các đơn vị đã xây dựng Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý theo quy định.

Việc mua sắm tài sản được thực hiện theo đúng tiêu chuẩn, định mức; đăng ký danh mục mua sắm tài sản tập trung theo quy định của tỉnh; ban hành tiêu chuẩn định mức máy móc thiết bị chuyên dùng; quản lý, sử dụng tài sản tiết kiệm hiệu quả. Trình tự, thủ tục về mua sắm tài sản công, thanh lý, điều chuyển thực hiện theo đúng trình tự, thẩm quyền đã được phân cấp.

2. Việc ban hành các mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm, yêu cầu chống lãng phí trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc, phương tiện thông tin liên lạc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước.

- Đã ban hành ☒

- Chưa ban hành ☐

* Tình hình thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm, yêu cầu chống lãng phí trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc, phương tiện thông tin liên lạc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước:

Chỉ tiêu (Theo Thông tư số 188/2014/TT-BTC)	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cắt giảm hoặc đình hoãn các kế hoạch mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị chưa thực sự cần thiết, không đúng tiêu chuẩn, định mức												
Số kinh phí tiết kiệm được do thực hiện đấu thầu mua sắm tài sản, ứng dụng công nghệ thông tin												

Phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc bị thu hồi do sử dụng không đúng mục đích, không đúng đối tượng hoặc không sử dụng													
Các chỉ tiêu khác do Bộ, ngành, địa phương ban hành													
....													

3. Tình hình mua sắm phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc, phương tiện thông tin liên lạc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước

Loại tài sản	Tài sản tại thời điểm ngày 01/01/2016		Mua sắm năm 2016		Mua sắm năm 2017		Mua sắm năm 2018		Mua sắm năm 2019		Mua sắm năm 2020		Mua sắm năm 2021	
	Số lượng	NG	Số lượng	NG	Số lượng	NG	Số lượng	NG	Số lượng	NG	Số lượng	NG	Số lượng	NG
Xe ô tô													02	2.050.000 ngđ
Phương tiện đi lại khác														
Máy móc, thiết bị làm việc			198	2.255.649 ngđ	69	794.807 ngđ	83	1.194.175 ngđ	205	1.559.770 ngđ	185	7.441.440 ngđ	48	916.820 ngđ
Phương tiện thông tin liên lạc			89	396.627 ngđ										

4. Tình hình bán, thanh lý tài sản là phương tiện đi lại, thiết bị làm việc, phương tiện thông tin liên lạc của cơ quan, tổ chức:

Loại tài sản	Bán, thanh lý năm 2016		Bán, thanh lý năm 2017		Bán, thanh lý năm 2018		Bán, thanh lý năm 2019		Bán, thanh lý năm 2020		Bán, thanh lý năm 2021	
	Số lượng	Số tiền nộp NSNN	Số lượng	Số tiền nộp NSNN	Số lượng	Số tiền nộp NSNN	Số lượng	Số tiền nộp NSNN	Số lượng	Số tiền nộp NSNN	Số lượng	Số tiền nộp NSNN
Xe ô tô												
Phương tiện đi lại khác					02	1.380 ngđ	1	1.900 ngđ				
Máy móc, thiết bị làm việc	3	1.400 ngđ	21		13	900 ngđ	15		5			
Phương tiện thông tin liên lạc												

III. THTK, CLP trong quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; công trình phúc lợi công cộng

1. Việc quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; nhà, đất công vụ; công trình phúc lợi công cộng theo đúng quy định.

2. Việc ban hành các mục tiêu, tiêu chí THPT,CLP trong quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; nhà, đất công vụ; công trình phúc lợi công cộng.

- Đã ban hành ☐

- Chưa ban hành ☐

3. Việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu THPT,CLP trong quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; công trình phúc lợi công cộng

Chỉ tiêu (Theo Thông tư số 188/2014/TT-BTC)	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cắt giảm hoặc đình hoãn các dự án xây dựng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp khi chưa hoàn thành việc rà soát, sắp xếp, sử dụng các cơ sở nhà đất, trụ sở làm việc của cơ quan, đơn vị hiện có												
Số kinh phí tiết kiệm được do thực hiện đấu thầu xây dựng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp												
Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp bị thu hồi do sử dụng không đúng mục đích, không đúng đối tượng hoặc không sử dụng												
Cắt giảm hoặc đình hoãn các dự án xây dựng công trình phúc lợi công cộng												
Số kinh phí tiết kiệm được do thực hiện đấu thầu xây dựng công trình phúc lợi công cộng												
Công trình phúc lợi công cộng bị thu hồi do sử dụng không đúng mục đích, không đúng đối tượng hoặc không sử dụng												
Các chỉ tiêu khác do Bộ, ngành, địa phương ban hành												
....												

4. Việc đầu tư xây dựng khu hành chính tập trung.

STT	Tên khu hành chính tập trung (địa chỉ)	Năm xây dựng	Diện tích đất (m ²)	Diện tích nhà (m ²)	Nguồn vốn xây dựng (triệu đồng)		
					Tổng vốn đầu tư	Nguồn vốn NSNN	Nguồn vốn khác

IV. THTK, CLP trong sắp xếp lại, xử lý tài sản công

1. Tình hình sắp xếp lại, xử lý nhà, đất

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
Số cơ sở nhà đất được phê duyệt phương án sắp xếp						1.054
Tổng diện tích đất (m ²)				628		936.955,1
Tổng diện tích nhà (m ²)	1.198	976,56	796	906,4	74	99.332,6

- Tình hình bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất (theo Phụ lục 2)

- Tình hình chuyển mục đích sử dụng đất (theo Phụ lục 3)

2. Tình hình sắp xếp lại, xử lý xe ô tô:

2.1. Sắp xếp lại, xử lý xe ô tô theo Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg

Loại xe ô tô	TCĐM theo quy định tại Quyết định 32/2015/QĐ-TTg	Số lượng tại thời điểm 01/01/2016	Số xe ô tô thừa/ thiếu so với TCĐM	Số lượng xe ô tô dôi dư đã xử lý từ 01/01/2016 đến 31/12/2018				Số tiền thu được từ xử lý xe ô tô dôi dư
				Bán, thanh lý	Điều chuyển	Thu hồi	Khác	
Xe ô tô chức danh								
Xe ô tô phục vụ công tác chung								
Xe ô tô chuyên dùng								

2.2. Sắp xếp lại, xử lý xe ô tô theo Nghị định số 04/2019/NĐ-CP

Loại xe ô tô	TCĐM theo quy định tại Nghị định 04/2019/NĐ-CP	Số lượng tại thời điểm 01/01/2019	Số xe ô tô thừa/ thiếu so với TCĐM	Số lượng xe ô tô dôi dư đã xử lý từ 01/01/2019 đến 31/12/2021				Số tiền thu được từ xử lý xe ô tô dôi dư
				Bán, thanh lý	Điều chuyển	Thu hồi	Khác	
Xe ô tô chức danh				×				136.000 ngđ
Xe ô tô phục vụ công tác chung								
Xe ô tô chuyên dùng								

3. Đánh giá việc tổ chức xử lý tài sản công:

- Việc tổ chức xử lý bảo đảm đúng pháp luật, công khai, minh bạch.
- Việc đấu giá khi bán, chuyển nhượng tài sản công thực hiện đúng quy định pháp luật.

V. THPT, CLP trong quản lý, khai thác, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng

Báo cáo theo Phụ lục 4 – đính kèm

VI. THPT, CLP trong cho thuê, kinh doanh, liên doanh, liên kết tài sản công: không

VII. THPT, CLP trong xử lý tài sản các dự án sử dụng vốn nhà nước sau khi dự án kết thúc

1. Tổng số dự án sử dụng vốn nhà nước kết thúc trong giai đoạn 2016 - 2021: 0 dự án, trong đó:

- Số dự án đã hoàn thành việc xử lý tài sản: 0 dự án
- Số dự án chưa hoàn thành việc xử lý tài sản: 0 dự án

2. Tình hình xử lý tài sản dự án sử dụng vốn nhà nước kết thúc giai đoạn 2016-2021

Tên Dự án	Hình thức xử lý (đvt: m ² , cái, tài sản)			Số tiền thu được từ xử lý tài sản dự án kết thúc (đvt: triệu đồng)*
	Giao, điều chuyển	Bán, chuyển nhượng, thanh lý	Xử lý khác	
Dự án 1				
- Nhà, đất:				
+ Đất (m ²)				
+ Nhà (m ²)				
- Ô tô, phương tiện đi lại (cái)				
- Tài sản khác (tài sản)				
Dự án 2				
- Nhà, đất:				
+ Đất (m ²)				
+ Nhà (m ²)				
- Ô tô, phương tiện đi lại (cái)				
- Tài sản khác (tài sản)				
Dự án 3				
....				

B. Đánh giá chung:

* Kết quả đạt được

- Tình hình thực hiện Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong thời gian qua tại các phòng, ban, đơn vị có những chuyển biến tích cực. Trên cơ sở các văn bản

hướng dẫn thực hiện của bộ, ngành Trung ương và các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của tỉnh để xây dựng và ban hành kế hoạch thực hiện; thường xuyên lồng ghép nội dung thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong các cuộc họp nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ công chức trong việc chấp hành và thực hiện có hiệu quả.

- Công tác triển khai quán triệt chủ trương tiết kiệm, chống lãng phí của Đảng và Nhà nước được tuyên truyền sâu rộng đến toàn thể cán bộ công chức và trong nhân dân thường xuyên. Triển khai thực hiện nghiêm túc các văn bản, chỉ thị và thực hiện chương trình kế hoạch đã xây dựng hàng năm

- Thực hiện tốt công tác lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã góp phần sắp xếp, bố trí quỹ đất hợp lý đối với từng loại đất, mục đích sử dụng, đảm bảo sử dụng đất hiệu quả, đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, phát triển đô thị, phù hợp với quan điểm phát triển chung của tỉnh.

- Việc sắp xếp lại Việc rà soát sắp xếp lại tài sản công theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP; Nghị định số 67/2021/NĐ-CP. tài sản công bảo đảm sử dụng đúng mục đích, tiêu chuẩn, định mức theo chế độ quy định và phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ. Việc tổ chức xử lý tài sản bảo đảm đúng pháp luật, công khai, minh bạch. Việc đấu giá khi bán tài sản công theo đúng quy định.

*** Những tồn tại, hạn chế:**

- Việc triển khai Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tại một số đơn vị vẫn còn chưa được chú trọng.

- Công tác báo cáo định kỳ một số đơn vị còn chậm so với thời gian quy định. Nội dung báo cáo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của các phòng, ban, đơn vị chưa đánh giá được tất cả các nội dung theo quy định. Nhìn chung qua báo cáo của các đơn vị mới phản ánh được việc quản lý và sử dụng ngân sách được giao hàng năm

C. Kiến nghị, đề xuất:

- Việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí là vấn đề nan giải đòi hỏi phải có những biện pháp triệt để nhằm ngăn chặn kịp thời. Đặc biệt đối với đội ngũ cán bộ lãnh đạo phải là những người tiên phong, đi đầu trong việc thực hành tiết kiệm chống lãng phí, đồng thời phải gắn với trách nhiệm của người đứng đầu.

- Việc thiếu hệ thống các tiêu chí đánh giá trong thực hành tiết kiệm chống lãng phí dẫn đến những khó khăn trong định hướng xây dựng biện pháp cụ thể, tiêu chuẩn để đánh giá kết quả đạt được. Bởi vậy việc xây dựng một hệ thống các tiêu chí, tiêu chuẩn để đánh giá việc thực hành tiết kiệm chống lãng phí là hết sức cần thiết.

- Việc ban hành các văn bản để cụ thể hoá các văn bản của Trung ương ban được kịp thời để làm cơ sở triển khai thực hiện.

D. Phương hướng nhiệm vụ và các giải pháp:

- Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo để thực hành tiết kiệm, chống lãng phí thực sự trở thành nhiệm vụ thường xuyên, quan trọng của các cấp, các ngành, các cơ quan, tổ chức.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến và triển khai thực hiện về luật phòng, chống tham nhũng và thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong nội bộ cơ quan.

- Nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của cán bộ, công chức trong công tác THPT, CLP gắn với đẩy mạnh cuộc vận động “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan luôn nói không với tham nhũng, lãng phí

- Cụ thể hoá và tiếp tục thực hiện các biện pháp quyết liệt, giao chỉ tiêu tiết kiệm cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả chi tiêu công.

- Tăng cường rà soát, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện các quy định về quản lý, các định mức, tiêu chuẩn, chế độ liên quan đến việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, đặc biệt là các quy định, định mức, tiêu chuẩn có vai trò hỗ trợ trực tiếp cho việc thực hiện các biện pháp tiết kiệm gắn với kiểm chế lạm phát.

- Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính gắn với nâng cao hiệu quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Trên đây là báo cáo về việc thực hiện chính sách, pháp luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng tài sản nhà nước giai đoạn 2016-2021, Ủy ban nhân dân huyện Kbang báo Sở Tài chính tổng hợp./. 

Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
- Phòng TC-KH;
- Lưu: VT, VP. 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Dũng

Kèm theo Báo cáo số 11 /BC-UBND ngày 14 /01/2022 của UBND huyện)

Đơn vị tính: triệu đồng

[illegible]

24

[illegible]

24

TỈNH HÌNH ĐÀ NẴNG - QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VÀ KHAI THÁC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG

(Báo cáo chi tiết theo từng năm từ 2018-2021)

Kèm theo Báo cáo số 91 /BC-UBND ngày 24 /01/2022 của UBND huyện

Đơn vị tính: Nghìn đồng

STT	Loại tài sản kết cấu hạ tầng	Tài sản (công trình) đầu tư mới/bàn giao đưa vào sử dụng		Về bảo trì tài sản		Về khai thác tài sản (Tự khai thác/Cho thuê quyền khai thác/ Chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản/ Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác/ Khai thác quỹ đất, mặt nước/ phương thức khác)					Về xử lý tài sản			Ghi chú (Văn bản quy phạm pháp luật áp dụng cho nội dung báo cáo/ Nội dung khác)
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hình thức bảo trì	Chi phí bảo trì	Phương thức khai thác	Đầu giá/ Đầu thầu	Số tiền thu được	Số tiền đã nộp NSNN	Số tiền được ưu tiên bố trí trong dự toán chi NSNN cho mục đích đầu tư	Hình thức xử lý (Thu hồi/Điều chuyển/Bán/ Thanh lý/Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại/ Hình thức xử lý khác)	Số tiền thu được	Số tiền đã nộp NSNN	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1	TSKCHT giao thông: Đường bộ, đường sắt quốc gia, đường thủy nội địa, hàng hải, hàng không.	11.270.264,875	7.335.147,969											
1.1	Năm 2018	2.513.172,572	1.877.213,548											
	Đường huyện	919.546,540	665.732,596	Đợt xuất, định kỳ	Ngân sách	Tự khai thác								
	Đường xã	579.258,532	458.398,992	Đợt xuất, định kỳ	Ngân sách	Tự khai thác								
	Đường đô thị	809.425,000	592.539,550	Đợt xuất, định kỳ	Ngân sách	Tự khai thác								
	Đường chuyên dùng			Đợt xuất, định kỳ	Ngân sách	Tự khai thác								
	Bến xe	8.000,000	7.760,000	Đợt xuất, định kỳ	Ngân sách	Tự khai thác								
	Cầu đường bộ có chiều dài 25m trở lên	196.942,500	152.782,410	Đợt xuất, định kỳ	Ngân sách	Tự khai thác								
1.2	Năm 2019	2.578.420,814	1.875.578,593											
	Đường huyện	970.227,580	689.136,198	Đợt xuất, định kỳ	Ngân sách	Tự khai thác								
	Đường xã	592.845,734	454.608,439	Đợt xuất, định kỳ	Ngân sách	Tự khai thác								
	Đường đô thị	810.405,000	577.439,820	Đợt xuất, định kỳ	Ngân sách	Tự khai thác								
	Đường chuyên dùng	-	-	Đợt xuất, định kỳ	Ngân sách	Tự khai thác								

Như

STT	Loại tài sản kết cấu hạ tầng	Tài sản (công trình) đầu tư mới bàn giao đưa vào sử dụng		Về bảo trì tài sản			Về khai thác tài sản (Tự khai thác/Cho thuê quyền khai thác/ Chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản/ Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác/ Khai thác quỹ đất, mặt nước/ phương thức khác)							Về xử lý tài sản			Ghi chú (Văn bản quy phạm pháp luật áp dụng cho nội dung báo cáo/ Nội dung khác)
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hình thức bảo trì	Chi phí bảo trì	Phương thức khai thác	Đầu giá/ Đầu thầu	Số tiền thu được	Số tiền đã nộp NSNN	Số tiền được ưu tiên bố trí trong dự toán chi NSNN cho mục đích đầu tư	Hình thức xử lý (Thu hồi/Biên chuyển/Bán/ Thanh lý/Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại/ Hình thức xử lý khác)	Số tiền thu được	Số tiền đã nộp NSNN				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15			
	Bến xe	8.000,000	7.520,000	Đội xuất, định kỳ	Nghân sách	Tự khai thác											
	Cầu đường bộ có chiều dài 25m trở lên	196.942,500	146.874,135	Đội xuất, định kỳ	Nghân sách	Tự khai thác											
1.3	Năm 2020	3.563.699,914	1.819.592,728														
	Đường huyện	971.912,340	661.714,131	Đội xuất, định kỳ	Nghân sách	Tự khai thác											
	Đường xã	594.950,734	438.928,067	Đội xuất, định kỳ	Nghân sách	Tự khai thác											
	Đường đô thị	824.512,000	567.234,670	Đội xuất, định kỳ	Nghân sách	Tự khai thác											
	Đường chuyên dùng	3.470,000	3.470,000	Đội xuất, định kỳ	Nghân sách	Tự khai thác											
	Bến xe	971.912,340	7.280,000	Đội xuất, định kỳ	Nghân sách	Tự khai thác											
	Cầu đường bộ có chiều dài 25m trở lên	196.942,500	140.965,860	Đội xuất, định kỳ	Nghân sách	Tự khai thác											
1.4	Năm 2021	2.614.971,574	1.762.763,101														
	Đường huyện	971.912,340	632.556,761	Đội xuất, định kỳ	Nghân sách	Tự khai thác											
	Đường xã	594.950,734	421.079,545	Đội xuất, định kỳ	Nghân sách	Tự khai thác											
	Đường đô thị	845.676,000	563.663,310	Đội xuất, định kỳ	Nghân sách	Tự khai thác											
	Đường chuyên dùng	3.470,000	3.365,900	Đội xuất, định kỳ	Nghân sách	Tự khai thác											
	Bến xe	2.020,000	7.040,000	Đội xuất, định kỳ	Nghân sách	Tự khai thác											
	Cầu đường bộ có chiều dài 25m trở lên	196.942,50	135.057,59	Đội xuất, định kỳ	Nghân sách	Tự khai thác											
2	TSKCHT thủy lợi và ứng phó với biến đổi khí hậu	7.037	5.326		0,924		0	101,916									
2.1	Năm 2018	3.037	2.126		0,462		0	101,916									
-	Đập dâng Kon Bông 2, xã Đắk Rong	2.787	1.951	tra đầu mỗ nhớt máy đóng mỗ	0,462	tự khai thác		84,132									

2/

STT	Loại tài sản kết cấu hạ tầng	Tài sản (công trình) đầu tư mới bàn giao đưa vào sử dụng		Về bảo trì tài sản		Về khai thác tài sản (Tự khai thác/Cho thuê quyền khai thác/ Chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản/ Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác/ Khai thác quỹ đất, mặt nước/ phương thức khác)						Về xử lý tài sản			Ghi chú (Văn bản quy phạm pháp luật áp dụng cho nội dung báo cáo/ Nội dung khác)
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hình thức bảo trì	Chi phí bảo trì	Phương thức khai thác	Đầu giá/ Đầu thầu	Số tiền thu được	Số tiền đã nộp NSNN	Số tiền được ưu tiên bố trí trong dự toán chi NSNN cho mục đích đầu tư	Hình thức xử lý (Thu hồi/Điều chuyển/Bán/ Thanh lý/Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại/ Hình thức xử lý khác)	Số tiền thu được	Số tiền đã nộp NSNN		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
-	Đập dâng Kìa 2, xã Krong	250	175			tự khai thác		17,784							
2.1	Năm 2019	4.000	3.200		0,462		0	0							
-	Đập dâng Hà Đưng 1, xã Đăk Rong	4.000	3.200	tra dầu mỡ nhớt máy đóng mở	0,462 tự khai thác	tự khai thác								chưa kê khai điện tích hồ trợ DV/CITL	
3	TSKCHT đô thị														
4	TSKCHT cung cấp điện														
5	TSKCHT cụm công nghiệp, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao														
6	TSKCHT thương mại														
7	TSKCHT thông tin														
8	TSKCHT Giáo dục và ĐT														
9	TSKCHT Khoa học và Công nghệ														
10	TSKCHT Y tế														
11	TSKCHT Văn hóa														
12	TSKCHT Thể thao														
13	TSKCHT Du lịch														
14	TSKCHT khác														

2/

